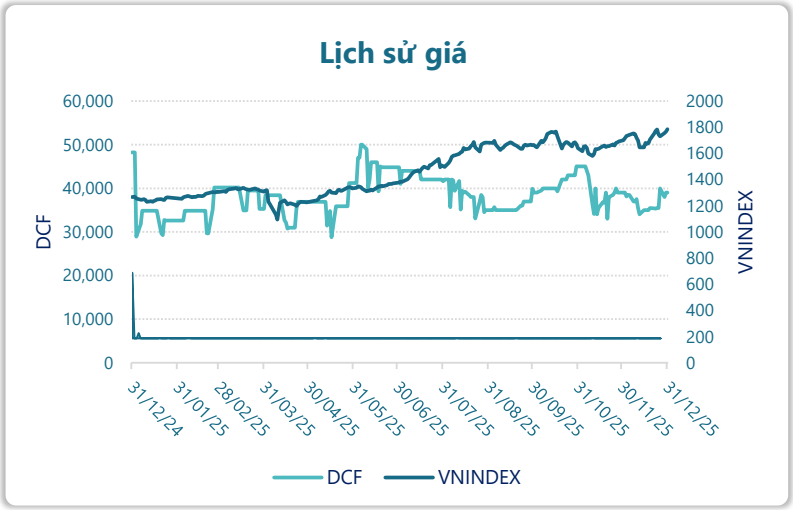
FireAnt

CTCP Xây dựng và Thiết kế số 1 (UPCOM: DCF)



Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**39,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	50,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	28,776
SL cổ phiếu LH	52,998,891
KLGD BQ 20 phiên (CP)	120,329
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,067
P/E	27.5
EPS	1,420

DT thuần

Q4/25

594

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 27.0| 4.8%

YoY: ▲ 217| 57.7%

LN sau thuế

Q4/25

14.9

tỷ VNĐ

QoQ: ▼13.6| -47.9%

YoY: ▲ 3.80| 33.9%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

5.6%

+/- YoY: ▲ 1.1%

DT thuần

2025

1,970

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 644| 48.5%

LN sau thuế

2025

75.2

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 35.8| 91.0%

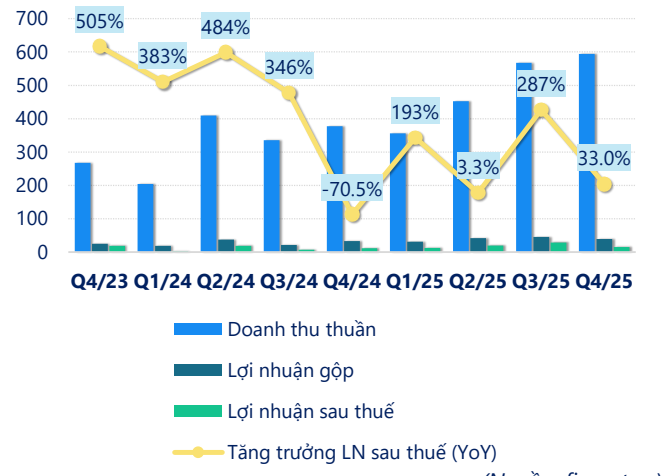
ROE

2025

13.2%

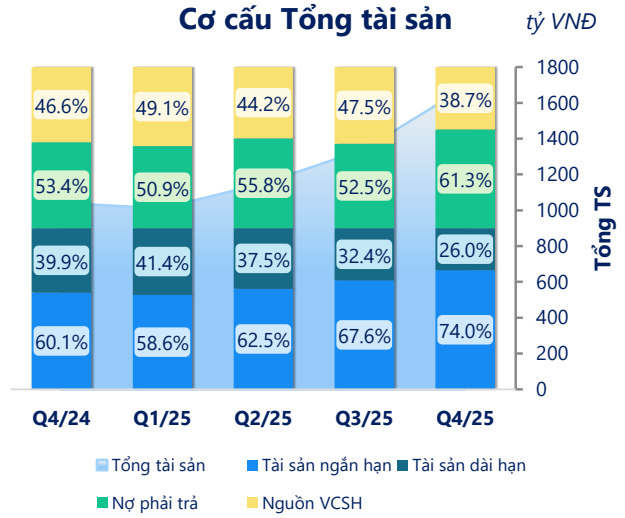
+/- YoY: ▲ 4.8%

Kết quả kinh doanh



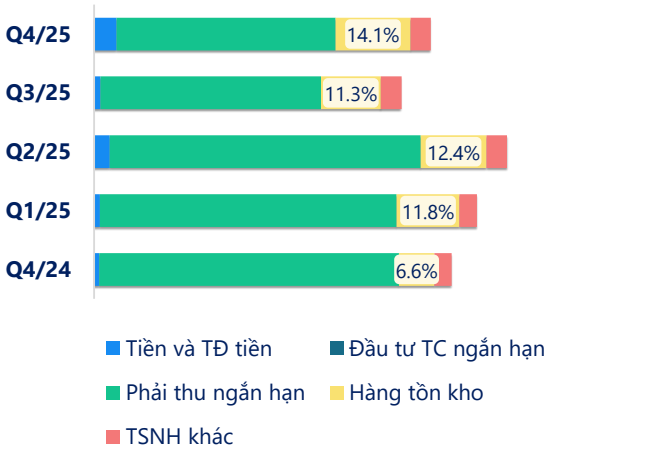
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



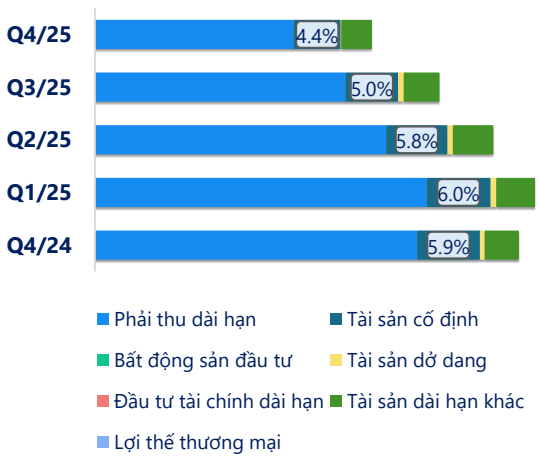
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



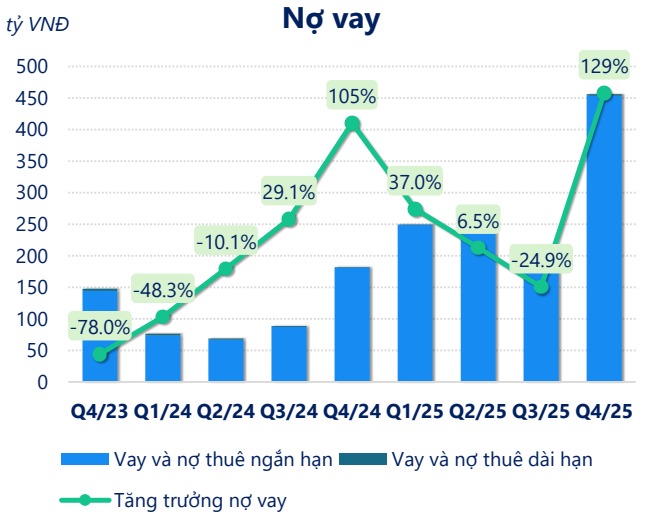
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



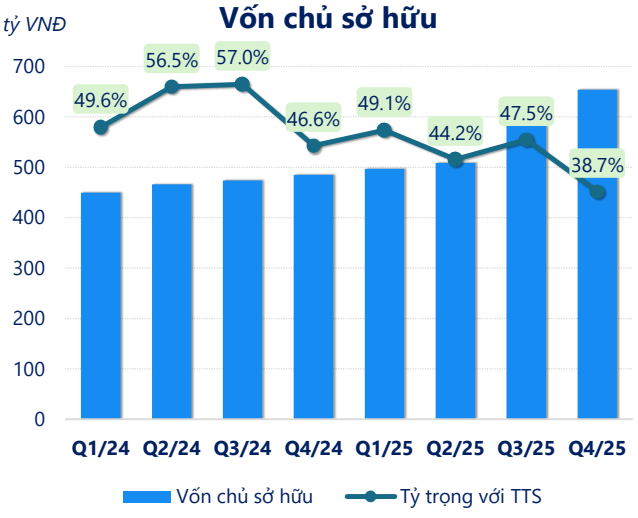
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



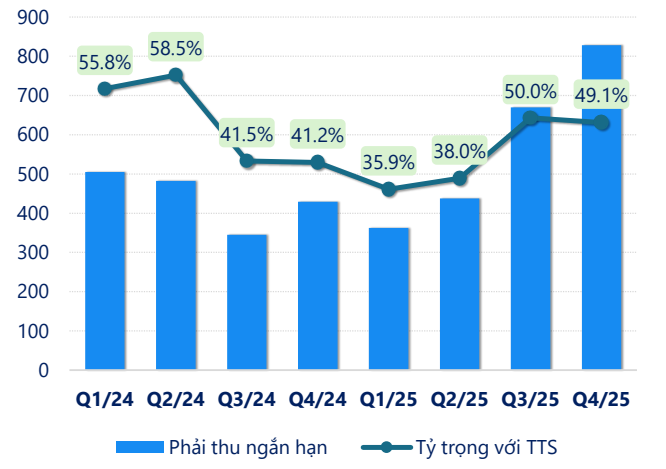
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



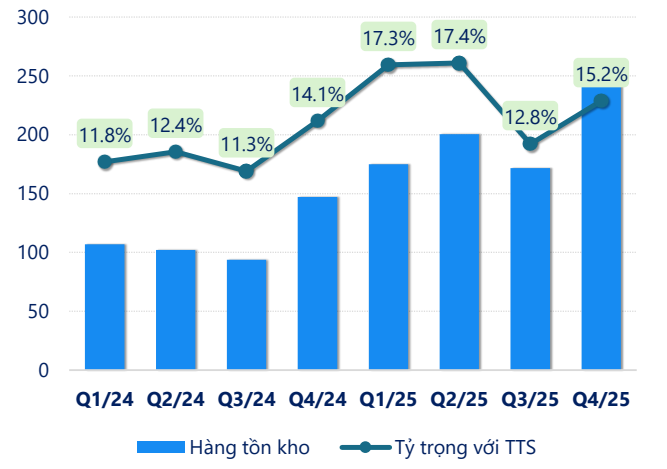
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



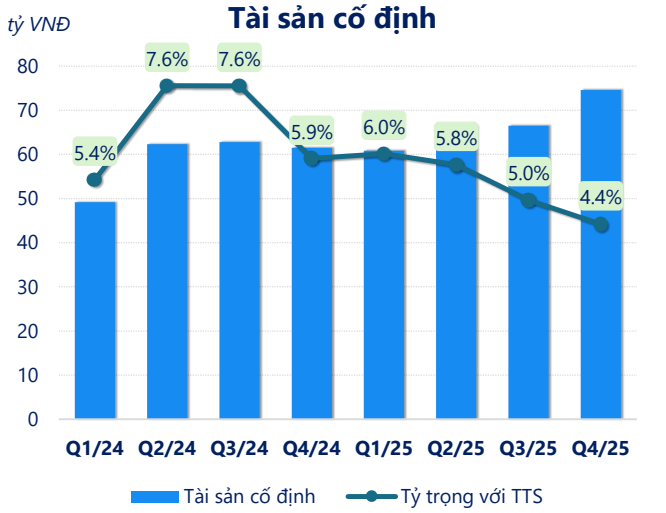
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



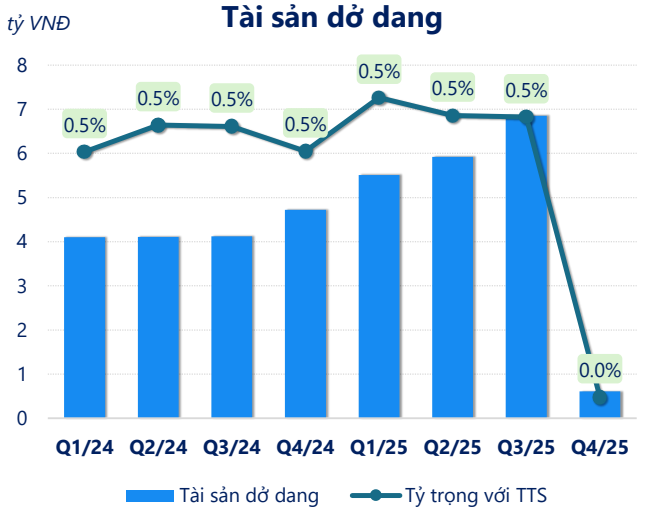
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



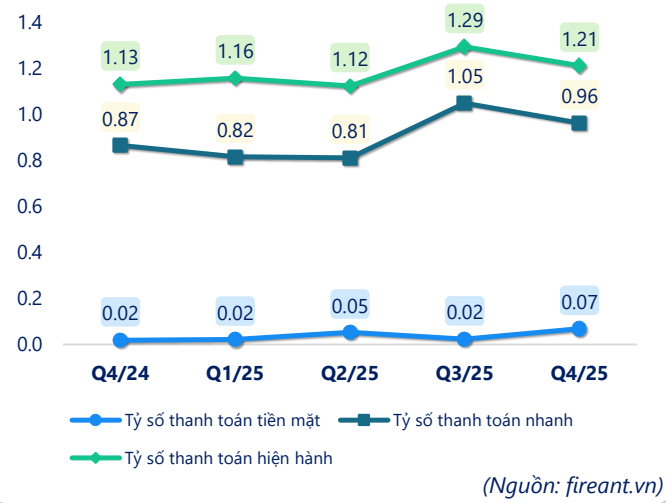
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



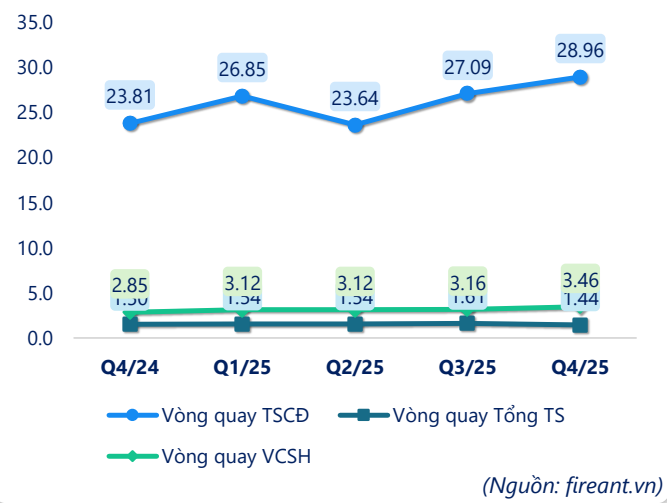
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	**1,041**	**1,011**	**1,151**	**1,340**	**1,687**
Tài sản ngắn hạn	**626**	**593**	**720**	**906**	**1,248**
Tiền và tương đương tiền	10.2	11.3	33.7	15.9	70.9
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	5.00	45.0
Phải thu ngắn hạn	429	363	438	670	828
Hàng tồn kho	147	175	200	172	257
Tài sản ngắn hạn khác	39.9	43.9	48.4	43.5	46.7
Tài sản dài hạn	**415**	**418**	**431**	**434**	**439**
Phải thu dài hạn	315	315	315	315	315
Tài sản cố định	61.5	60.9	66.4	66.5	74.6
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	4.72	5.51	5.92	6.85	0.61
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	33.5	36.8	43.6	44.9	48.6
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**556**	**514**	**643**	**703**	**1,034**
Nợ ngắn hạn	**554**	**512**	**641**	**700**	**1,029**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	181	249	265	199	454
Phải trả người bán ngắn hạn	250	189	219	227	295
Nợ dài hạn	2.78	2.21	2.02	2.70	4.46
Vay và nợ thuê dài hạn	0.78	0.21	0.02	0.70	2.46
Nguồn vốn chủ sở hữu	**485**	**497**	**509**	**637**	**654**
Vốn chủ sở hữu	**485**	**497**	**509**	**637**	**654**
Vốn điều lệ	300	300	430	530	530
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)